

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình:
**Đường giao thông từ vườn Quốc gia Yok Đôn đi Đồn biên phòng số 5
(Đồn 743), huyện Buôn Đôn - Gói thầu số 01**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ Vườn Quốc gia Yok Đôn đi Đồn biên phòng số 5 (Đồn 743), huyện Buôn Đôn;
Xét đề nghị của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh tại Tờ trình số 2411/TTr-BCH ngày 23/9/2016 và kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 125/KQTĐ-SGTVT ngày 20/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông từ vườn Quốc gia Yok Đôn đi Đồn biên phòng số 5 (Đồn 743), huyện Buôn Đôn - Gói thầu số 01, lý trình Km0+00 ÷ Km17+00.

- Loại, cấp công trình: Công trình đường bộ, cấp III.
- Chủ đầu tư: Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh.
- Nhà thầu thiết kế xây dựng: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Việt Bắc và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Thái Sơn.
- Địa điểm xây dựng: Xã Krông Na, huyện Buôn Đôn. Điểm đầu: Km0+00 giao với Tỉnh lộ 1 tại Km39, điểm cuối: Km17+00 (theo lý trình tuyến).

2. Quy mô xây dựng chủ yếu:

- Xây dựng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đoạn Km0+00 ÷ Km17+00.
- Cấp thiết kế: Cấp VI (vùng đồng bằng và đồi), vận tốc thiết kế 30 km/h.
- Nền đường rộng 6,5m; mặt đường rộng 3,5m, lề rộng 1,5m x 2 bên.
- Kết cấu áo đường cấp cao A2, Eyc = 91Mpa.
- Công trình thoát nước vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93. Tần suất thiết kế:

4%.



3. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang tuyến:

- Bình đồ: Tuyến chủ yếu đi theo đường cũ, nắn chỉnh cục bộ một số đoạn tuyến. Các yếu tố kỹ thuật đảm bảo theo tiêu chuẩn cấp đường thiết kế. Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất 60,46m.

- Trắc dọc: Trắc dọc tuyến chủ yếu thiết kế bao, kết hợp một số đoạn thiết kế cắt nhằm tận dụng nền đường cũ và đảm bảo thoát nước nền đường, độ dốc dọc lớn nhất 7,9%.

- Trắc ngang: Chiều rộng nền đường 6,5m; mặt đường 3,5m; lề đường 1,5m x 2 bên. Độ dốc ngang mặt đường 3%, lề đường 4%. Mái dốc ta luy nền đào 1/1, ta luy nền đắp 1/1,5.

b) Nền đường; móng, mặt đường:

- Nền đường đào, đắp xử lý, lu lèn đạt độ chặt $K_{yc} \geq 0,95$.

- Kết cấu mặt đường: Ech=108,82Mpa, cụ thể như sau:

+ Đoạn từ Km0+00 ÷ Km4+00, Km12+600 ÷ Km14+600:

▪ Láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5kg/m².

▪ Tưới thấm bảm bằng nhựa pha dầu, tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m².

▪ Móng cấp phối đá dăm loại 1 (D_{max}=25mm) dày 15cm.

▪ Mặt đường đá dăm láng nhựa cày xới, bù phụ cấp phối đá dăm loại 1 (D_{max}=25mm), lu lèn $K_{yc} \geq 0,98$.

+ Đoạn từ Km4+00 ÷ Km12+600 và Km14+600 ÷ Km17+00:

▪ Láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,5kg/m².

▪ Tưới thấm bảm bằng nhựa pha dầu, tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m².

▪ Móng cấp phối đá dăm loại 1 (D_{max}=25mm) dày 15cm $K_{yc} \geq 0,98$.

▪ Móng cấp phối đá dăm loại 2 (D_{max}=37,5mm) dày 18cm $K_{yc} \geq 0,98$.

- Kết cấu lề đường: Đắp gia cố lề đường bằng đất cấp 3, lu lèn nền đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

c) Nút giao: Thiết kế đơn giản cùng mức. Kết cấu mặt đường trong nút giao như kết cấu của mặt đường tuyến chính.

d) Hệ thống thoát nước:

- Rãnh dọc: Rãnh thoát nước dọc hai bên là rãnh đất hình thang, đáy rộng 0,4m, sâu 0,5m. Mái ta luy trong 1/1,5, ta luy ngoài 1/1. Riêng những đoạn có dốc dọc $\geq 4\%$ gia cố rãnh bằng tấm lát bê tông xi măng mác 200 đá 1x2 kích thước (71x48x7)cm, đáy rãnh bằng bê tông xi măng đá 2x4, mác 150 dày 10cm, kích thước rãnh rộng 0,5m, sâu 0,5m, ta luy rãnh 1/1.

- Cống thoát nước: Gồm cống bản, cống tròn khẩu độ $L_0=100\text{cm}$, $D=100\text{cm}$, $2D=100\text{cm}$ được xây dựng mới và cải tạo, tải trọng thiết kế HL93.

+ Ống cống, tấm bản bằng bê tông cốt thép mác (200-250) đá 1x2 đúc sẵn.

+ Móng cống, chân khay, thân cống, tường đầu, tường cánh, sân cống bằng bê tông xi măng mác 150 đá 2x4.

- Gia cố thượng, hạ lưu cống bằng bê tông xi măng mác 150 đá 2x4.

- Đắp đất hoàn thiện cống bằng đất cấp 3, $K_{yc} \geq 0,95$.

e) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí hệ thống cọc tiêu, biển báo trên tuyến phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

4. Khối lượng xây lắp chủ yếu:

- Đào đất các loại	:	6.845 m ³
- Dọn quang, vét hữu cơ, đánh cấp	:	3.758 m ³
- Đắp nền đường	:	25.997 m ³
- Lu lèn nền đường đào	:	28.681 m ²
- Tưới nhựa thấm bám t/c nhựa 1,0 kg/m ²	:	62.447 m ²
- Láng nhựa 3 lớp t/c nhựa 4,5 kg/m ²	:	62.447 m ²
- Cấp phối đá dăm loại 1 (Dmax=25mm)	:	12.883 m ³
- Cấp phối đá dăm loại 2 (Dmax=37,5mm)	:	9.299 m ³
- Cấp phối tự nhiên K _≥ 0,95	:	25.350 m ³
- Rãnh xương cá	:	1930/150 cái/m ³
- Chiều dài rãnh gia cố tấm lát	:	1.387 m
- Cống bản Lo=100cm	:	01/7 cái/m
- Cống tròn D=100cm, 2D=100cm	:	05/27 cái/m
- Biển báo hình tam giác	:	13 bộ
- Cọc tiêu tiết diện 16x16cm, h=120cm	:	313 cọc
- Cột KM	:	17 cột

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình : 41.655.528.000 đồng
(Bốn mươi một tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi tám ngàn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	29.704.670.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	503.197.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	4.689.763.000 đồng

Gồm:

+ Khảo sát bước dự án đầu tư	:	1.952.123.000 đồng
+ Lập dự án đầu tư	:	204.396.000 đồng
+ Khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công (Gói 1 và Gói 2)	:	1.196.315.000 đồng
+ Thiết kế bản vẽ thi công (Gói 1 và Gói 2)	:	649.219.000 đồng
+ Lập hồ sơ mời thầu khảo sát và thiết kế bản vẽ thi công (Gói 1 và Gói 2)	:	1.846.000 đồng
+ Đánh giá hồ sơ dự thầu khảo sát và thiết kế bản vẽ thi công (Gói 1 và Gói 2)	:	1.846.000 đồng
+ Lập hồ sơ mời thầu thi công (Gói thầu số 1)	:	29.704.000 đồng
+ Đánh giá hồ sơ dự thầu thi công (Gói thầu số 1)	:	29.704.000 đồng
+ Lập hồ sơ mời thầu giám sát thi công (Gói thầu số 1)	:	1.000.000 đồng
+ Đánh giá hồ sơ dự thầu giám sát thi công (Gói thầu số 1)	:	1.000.000 đồng
+ Giám sát thi công xây dựng (Gói thầu số 1)	:	622.610.000 đồng
- Chi phí khác	:	2.628.422.000 đồng



Gồm:

+ Thẩm định dự án đầu tư	:	11.902.000 đồng
+ Thẩm định dự toán khảo sát bước thiết kế BVTC (Gói 1 và Gói 2)	:	1.268.000 đồng
+ Thẩm định thiết kế BVTC (Gói thầu số 1)	:	26.008.000 đồng
+ Thẩm định dự toán (Gói thầu số 1)	:	25.105.000 đồng
+ Thẩm định hồ sơ mời thầu khảo sát và thiết kế BVTC (Gói 1 và Gói 2)	:	1.000.000 đồng
+ Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu khảo sát và thiết kế BVTC (Gói 1 và Gói 2)	:	1.000.000 đồng
+ Thẩm định hồ sơ mời thầu thi công (Gói thầu số 1)	:	13.502.000 đồng
+ Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp (Gói thầu số 1)	:	13.502.000 đồng
+ Thẩm định hồ sơ mời thầu giám sát thi công (Gói thầu số 1)	:	1.000.000 đồng
+ Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát thi công (Gói thầu số 1)	:	1.000.000 đồng
+ Hạng mục chung	:	1.633.757.000 đồng
+ Bảo hiểm công trình	:	63.865.000 đồng
+ Đánh giá tác động môi trường	:	480.400.000 đồng
+ Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	:	86.435.000 đồng
+ Kiểm toán	:	268.678.000 đồng
- Chi phí dự phòng	:	4.129.476.000 đồng

Điều 2. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này và quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Ước*

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT- CN (T.18)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà